

Rào cản đối với sự tham gia của cộng đồng trong du lịch dựa vào cộng đồng: trường hợp làng đan lát Bao La – Thành phố Huế

By QNU Journal of Science

Barriers to community participation in community-based tourism: A case of Bao La handicraft village – Hue City

ABSTRACT

Community-based tourism (CBT) is considered an alternative approach to achieving sustainable tourism development in developing countries. Community participation is regarded as a means to implement sustainable tourism by improving the socio-economic conditions of local communities, particularly in alleviating poverty. However, the process of utilizing and maintaining community participation in CBT activities often face various challenges and barriers. This study aims to identify the barriers affecting local community participation in CBT activities, focusing on the case of Bao La handicraft village in Hue City, Vietnam. Based on qualitative data obtained through in-depth interviews with 13 respondents, thematic analysis results indicate two major barriers to community participation in Bao La village: (1) Lack of capital and (2) Lack of tourism service skills. Among these, the most significant challenge is the deficiency in tourism service skills. Based on these findings, the study discusses recommendations for government authorities and the community to enhance local participation in CBT activities in Bao La village, Hue City.

Keywords: *Community, participation, barriers, community-based tourism, Bao La handicraft village.*

Rào cản đối với sự tham gia của cộng đồng trong du lịch dựa vào cộng đồng: trường hợp làng đan lát Bao La – Thành phố Huế

TÓM TẮT

Du lịch dựa vào cộng đồng (CBT) được xem là một giải pháp thay thế để phát triển du lịch bền vững ở các nơi đang phát triển, và sự tham gia của cộng đồng được xem là một cách để thực hiện du lịch bền vững bằng cách cải thiện tình trạng kinh tế - xã hội của cộng đồng, đặc biệt là giúp họ thoát khỏi đói nghèo. Tuy nhiên, việc vận động và duy trì người dân tham gia vào du lịch cộng đồng luôn gặp phải những rào cản và khó khăn nhất định. Nghiên cứu này nhằm xác định những rào cản ảnh hưởng đến sự tham gia của cộng đồng địa phương vào các hoạt động du lịch dựa vào cộng đồng, tập trung vào trường hợp Làng nghề đan lát Bao La tại Thành phố Huế, Việt Nam. Dựa trên dữ liệu định tính thu được thông qua các cuộc phỏng vấn sâu với 13 đáp viên, kết quả phân tích chủ đề chỉ ra rằng có hai rào cản chính đối với sự tham gia của cộng đồng tại Làng nghề Bao La được xác định là: (1) Thiếu vốn và (2) Thiếu kỹ năng phục vụ khách du lịch. Trong đó, rào cản lớn nhất đối với họ là thiếu kỹ năng phục vụ du khách. Dựa trên kết quả này, bài viết cũng thảo luận về các khuyến nghị đối với cơ quan nhà nước và cộng đồng trong việc thúc đẩy sự tham gia của người dân địa phương vào hoạt động du lịch cộng đồng tại Làng đan lát Bao La, thành phố Huế.

Từ khóa: Cộng đồng, sự tham gia, rào cản, du lịch dựa vào cộng đồng, làng nghề đan lát Bao La.

1. MỞ ĐẦU

Ngành du lịch đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương thông qua việc tạo ra cơ hội việc làm, gia tăng nguồn thu nhập và thuế, đồng thời cải thiện cơ sở hạ tầng, từ đó thu hút thêm các ngành công nghiệp khác^{1,2}. Tuy nhiên, cạnh những lợi ích rõ rệt, ngành du lịch cũng phải đối mặt với nhiều thách thức liên quan đến các vấn đề xã hội, văn hóa và môi trường³. Chính vì vậy, trong những năm gần đây, khái niệm du lịch bền vững ngày càng được sự quan tâm nhằm đảm bảo rằng sự phát triển kinh tế không chỉ mang lại lợi ích kinh tế mà còn cân bằng với các yếu tố xã hội và môi trường. Một trong những cách tiếp cận quan trọng để hiện thực hóa du lịch bền vững là thông qua sự tham gia của cộng đồng địa phương, giúp họ có cơ hội hưởng lợi một cách công bằng từ sự phát triển du lịch tại địa phương^{4,5}. Ngược lại, việc thúc đẩy sự tham gia này cũng có thể nâng cao nhận thức của cộng đồng địa phương về du lịch, đồng thời cải thiện thái độ của họ với sự phát triển du lịch và bảo tồn tài nguyên văn hóa - môi trường tại địa phương^{6,7}.

Du lịch dựa vào cộng đồng được coi là chiến lược quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế, đặc biệt là ở các quốc gia đang phát triển⁸. Mô hình này không chỉ giúp phát triển kinh tế - xã hội mà còn góp phần bảo tồn môi trường⁹. Thành công của du lịch cộng đồng phụ thuộc nhiều vào mức độ tham gia và hợp tác của người

dân địa phương, cũng như sự phối hợp hiệu quả với các bên liên quan^{10,11}. Mặc dù đã có nhiều nỗ lực nhằm thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng trong phát triển du lịch, nhưng thực tế vẫn tồn tại nhiều rào cản khiến người dân chưa thể tham gia một cách hiệu quả. Vì vậy, việc xem xét và phân tích giá trị du lịch cộng đồng từ góc nhìn của chính người dân địa phương đóng vai trò quan trọng trong việc xác định những thách thức mà họ gặp phải, từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp để nâng cao hiệu quả của mô hình này^{12,13}.

Làng đan lát Bao La, thuộc huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, là một làng nghề truyền thống lâu đời với lịch sử hơn 600 năm, chuyên sản xuất các sản phẩm đan lát từ tre, nứa. Làng đan lát tại Bao La không chỉ mang ý nghĩa kinh tế mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì bản sắc văn hóa và truyền thống của cộng đồng địa phương. Phần lớn cư dân trong làng đã gắn bó với nghề qua nhiều thế hệ, tạo nên một hệ sinh thái sản xuất thủ công đặc trưng. Hợp tác xã nghề giữ vai trò trung tâm trong tổ chức sản xuất, phân phối sản phẩm và tạo sinh kế cho người dân địa phương. Hiện nay, các hoạt động du lịch trải nghiệm tại Bao La đang dần phát triển, góp phần nâng cao nhận thức của cộng đồng về tầm quan trọng của việc bảo tồn và phát huy giá trị nghề truyền thống trong bối cảnh phát triển kinh tế bền vững. Nghiên cứu này tập trung phân tích loại hình du lịch dựa vào cộng đồng tại làng đan lát Bao La, thành phố Huế, với mục tiêu làm rõ những rào cản gây cản trở người dân địa

phương ở đây t¹¹³ gia vào các hoạt động du lịch tại địa phương. Việc t¹⁰⁵ định và phân tích những rào cản này sẽ giúp t¹ đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng địa phương vào quá trình phát triển du lịch bền vững tại làng đan lát Bao La, thành phố Huế.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT

2.1. Khái niệm cộng đồng

Có nhiều khái niệm t¹⁴⁴ “cộng đồng” được các nhà nghiên cứu đưa ra dựa trên các cách tiếp cận khác nhau, thường liên quan đến con người và sự tương tác xã hội, không gian và tổ chức xã hội t¹⁴.

Xét về con người và sự tương tác xã hội, cộng đồng có một bản sắc chung và chia sẻ cùng một hệ thống niềm tin và thực hành t¹⁵. Khi cộng đồng t⁷ được định nghĩa theo không gian, nó được hiểu là “một nhóm người, thường sống trong cùng một khu vực địa lý, nhận diện bản thân là thành viên của cùng một nhóm t²¹ Xét dưới góc độ tổ chức xã hội, cộng đồng bao gồm các cá nhân hoặc nhóm có cùng mối quan tâm, giá trị và t⁹⁶ uân mực, thường xuyên tương tác và hợp tác để thúc đẩy sự gắn kết xã hội và đạt được các mục tiêu chung t¹⁷.

Trong bối cảnh du lịch dựa vào cộng đồng, cộng đồng được xác định là một nhóm người sống trong một khu t¹¹² địa lý nhất định, chia sẻ các giá trị chung và tương tác để đạt được các mục tiêu chung t¹⁵. Mỗi cộng đồng đều có sự đa dạng t²³, với các thành viên có thể được phân tầng theo các yếu tố như giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn, tôn giáo, tình trạng hôn nhân, thu nhập và địa vị xã hội t²⁴.

2.2. Du lịch dựa vào cộng đồng

Du lịch dựa vào cộng đồng (CBT) là loại hình du lịch chú trọng đến tính bền vững về môi trường t²², xã hội và văn hóa. CBT được hiểu là một mô hình du lịch do t¹⁴ cộng đồng địa phương lãnh đạo và kiểm soát. Người dân địa phương tham gia tích cực vào quá trình ra quyết định t¹⁰⁰ h, quản lý tài nguyên và phân chia lợi ích. Điều này giúp thúc đẩy sự phát triển t¹⁴⁷ bền vững và bảo tồn văn hóa t¹⁸. Ngoài ra, CBT hướng tới một phương pháp phát triển cân t¹⁴ bằng và hài hòa, nhấn mạnh đến sự liên kết giữa các hình thức phát triển khác nhau với các yếu t⁶ của nền kinh tế địa phương, chất lượng văn hóa và môi trường t¹⁷⁸ ng như nhu cầu, lợi ích và tiềm năng đa dạng của cộng đồng và cư dân t²⁵.

Mục tiêu chính của CBT là thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng vào quá trình phát triển du lịch, có thể áp dụng cho nhiều loại hình du lịch khác nhau. Khi được xem như một phương pháp hoặc một cấu trúc, CBT có thể đóng vai trò là nguyên tắc

định hướng c¹⁶¹ r phát triển của các mô hình du lịch thay thế. Sự t⁷⁶ i của các khái niệm và thực tiễn liên quan như Du lịch sinh thái dựa vào t²¹ ng đồng, Du lịch di sản dựa vào cộng đồng và Du lịch văn hóa dựa vào cộng đồng là minh chứng cho quan điểm này t¹⁹⁻²¹.

2.3. Sự tham gia của cộng đồng

Sự tham gia của cộng đồng được t¹⁶⁴ a một hệ tư tưởng bắt nguồn từ các lý thuyết x⁹⁴ òi và chính trị liên quan đến tổ chức xã hội t⁴. Thông qua sự tham gia của c¹² ã đồng, người dân có thể tự nguyện và dân chủ tham gia vào các t¹⁰⁹ rình phát triển t¹⁵. Ngoài ra, nó nhấn mạnh việc trao t³⁰ ien cho các cá nhân và nhóm t²⁷ cộng đồng để đóng góp vào sự phát triển và cải thiện điều kiện xã hội, k⁶³ ế và môi trường của họ. Điều này làm nổi bật tầm quan trọng của việc xây dựng các mối quan hệ và t⁷² rì sự tương tác, từ đó thúc đẩy sự gắn kết và mối quan hệ bền chặt giữa các thành viên trong cộng đồng t¹⁶. Kết quả là, nó nâng cao cảm giác thuộc về, sự tin tưởng và uy tín trong cộng đồng t²².

Trong bối cảnh du lịch, mục tiêu của sự t¹³ m gia của cộng đồng là đảm bảo rằng kết quả mang lại lợi ích song phương và bền vững cho cả cộng đồng và ngành t¹ du lịch. Hơn nữa, nó cũng nhằm đảm bảo rằng người dân địa phương có thể hưởng lợi về kinh tế và xã hội từ các h²⁸ ã đồng du lịch t²³. Sự tham gia này cũng đòi hỏi phải trao quyền cho người dân địa t¹² ã đồng bằng cách cung cấp kiến thức đầy đủ về t⁷ rình, từ đó giúp họ có thể tham gia tích cực vào quá trình phát triển du lịch t^{24,25}.

Pretty đã giới thiệu bảy cấp độ t¹ am gia, bao gồm: tham gia mang tính tham gia, tham gia thụ động, tham g¹ ã thông qua tham vấn, tham gia để nhận lợi ích vật chất, tham gia mang tính chức năng, tham t⁵⁰ a tương tác và tự huy động t²⁶. Trong khuôn khổ sự tham gia của cộng đồng vào phát triển du lịch, Tosun phân loại sự tham gia của cộng đồng thành ba loại: tự phát, cưỡng chế và bị tác động t²⁷.

2.4. Các rào cản đối với sự tham gia của cộng đồng

Những rào cản của cộng đồng địa phương khi t¹⁶⁹ i gia vào hoạt động du lịch dựa vào cộng đồng có thể được p¹ ien thành ba nhóm chính sau đây, bao gồm: (1) rào cản vận hành; (2) rào cản cấu trúc và (3) rào cản văn hóa (4).

- Rào cản vận hành: Rào cản vận hành xuất phát từ sự phối hợp giữa các tổ chức và các bên liên quan, cũng như cách thức phát triển du lịch được truyền đạt đến cư dân địa phương. Những rào cản

này bao gồm: (1) Tập trung hóa quản lý nhà nước du lịch. Ở nhiều nước đang phát triển, quyền quản lý lập kế hoạch du lịch thường được tập trung dưới một cơ quan quản lý duy nhất, như Tosun & Timothy đã chỉ ra²⁸. Hệ thống quản lý nhà nước tập trung này thường mang tính chuyên liêu, khiến quá trình ra quyết định bị trì hoãn, làm cho người dân địa phương cảm thấy bất lực và không thể đưa ra quyết định độc lập; (2) Thiếu sự phối hợp. Sự thiếu phối hợp thường bắt nguồn từ cơ cấu phân mảnh của ngành du lịch, bao gồm nhiều tổ chức như các tổ chức phi chính phủ (NGO), nhà tài trợ, cơ quan chính quyền, chủ đất, doanh nghiệp địa phương, nhóm cộng đồng và các công ty du lịch. Việc điều phối các hoạt động của tất cả các bên liên quan là điều cần thiết để đảm bảo đạt được mục tiêu của dự án¹¹⁵. (3) Thiếu thông tin. Theo Tosun, hầu hết các rào cản đối với sự phát triển du lịch bắt nguồn từ việc người dân địa phương không được cung cấp đầy đủ thông tin về phát triển du lịch trong khu vực của họ, dẫn đến sự thiếu nhận thức và tài trợ không đủ cho cộng đồng⁴.

3.2. Rào cản cấu trúc: Rào cản cấu trúc liên quan đến năng lực của cộng đồng địa phương. Những điểm của cộng đồng và thành viên của nó khiến gặp khó khăn trong việc tận dụng các cơ hội phát triển du lịch dựa vào cộng đồng (CBT) và phát huy hết tiềm năng của mình. Những rào cản này bao gồm: (1) Thái độ của các chuyên gia – những người có chuyên môn kỹ thuật và tham gia vào việc lập kế hoạch và chương trình. Tuy nhiên, họ thường có xu hướng xem nhẹ người dân địa phương và coi trọng ý kiến của họ, điều này không thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng; (2) Thiếu chuyên môn. Ở nhiều nước đang phát triển, có sự thiếu hụt nhân sự có kỹ năng trong việc lập kế hoạch cộng đồng. Các nhà quy hoạch thường chỉ quen thuộc với phương pháp quy hoạch truyền thống và thiếu kinh nghiệm trong việc tích hợp sự tham gia của cộng đồng vào quá trình lập kế hoạch^{29,4}; (3) Thiếu nhân lực được đào tạo. Mặc dù sự tham gia của cộng đồng trong phát triển du lịch là một ý tưởng đáng khuyến khích, nhưng nhiều cộng đồng thiếu kinh nghiệm và nhân sự được đào tạo để quản lý dự án một cách hiệu quả⁵. (4) Thiếu nguồn lực tài chính. Phương pháp tham gia của cộng đồng vào quy hoạch du lịch thường bị coi là tốn kém về thời gian, tài chính và kỹ năng cần thiết^{30,4}. Thực tế là nhiều cộng đồng địa phương ở các nước đang phát triển không có đủ nguồn tài chính để trang trải chi phí giao dịch đáng kể cũng như thiếu các kỹ năng kinh doanh quan trọng để giám sát các dự án du lịch^{31,32}.

3.3. Rào cản văn hóa: Rào cản văn hóa liên quan đến lối sống của các thành viên trong cộng đồng, bao gồm những tập quán có thể hạn chế sự tham gia của họ vào phát triển du lịch. Những rào cản này bao gồm: (1) Khả năng hạn chế của người nghèo. Sự thiếu năng lực cộng đồng và sự hiểu biết hạn chế về tác động của du lịch được coi là những ngại đối với sự phát triển du lịch thành công ở các quốc gia đang phát triển³³. Một rào cản chính đối với sự tham gia của cộng đồng là sự thiếu chuyên môn, hiểu biết và nhận thức của cư dân địa phương^{24,4}; (2) Sự thờ ơ và mức độ nhận thức thấp của cộng đồng địa phương. Mức độ quan tâm thấp làm giảm sự tham gia tích cực của cộng đồng. Sự thờ ơ thường bắt nguồn từ thiếu tin tưởng vào các quan chức và dự án, sự phân phối lợi ích không công bằng và thiếu cảm giác sở hữu cộng đồng. Sự thờ ơ “có thể bắt nguồn từ cảm giác hoài nghi, vỡ mộng hoặc thiếu niềm tin, dẫn đến niềm tin rằng các cơ quan không công nhận, lắng nghe hoặc tôn trọng ý kiến của công chúng”¹. Thiếu nhận thức về tiềm năng cũng như chi phí và lợi ích thực tế của phát triển du lịch cũng là một rào cản đối với sự tham gia của cộng đồng.

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Mẫu nghiên cứu

Để xác định được những khó khăn mà người dân địa phương ở làng đan lát Bao La đang gặp phải, nghiên cứu này đã áp dụng phương pháp định tính. Phương pháp phỏng vấn sâu được sử dụng để thu thập dữ liệu định tính. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ tháng 1 đến tháng 3 năm 2024 từ các thông tin viên chủ chốt cư trú tại làng đan lát tre Bao La, thành phố Huế. Các đáp viên được lựa chọn cẩn thận theo phương pháp chọn mẫu có chủ đích, đảm bảo rằng họ có sự hiểu biết rõ ràng về chủ đề nghiên cứu.

Nghiên cứu này, các thông tin viên chủ chốt phải đáp ứng các tiêu chí lựa chọn sau: (1) là cư dân sống tại làng Bao La và (2) là người làm việc trong Hợp tác xã Bao La. Những tiêu chí này đảm bảo rằng thông tin thu thập được có liên quan đến cộng đồng địa phương và phản ánh quan điểm cũng như trải nghiệm của họ. Kích thước mẫu nghiên cứu có thể thay đổi tùy theo tính chất nghiên cứu, trong khoảng từ 5 đến 25 người tham gia³⁶. Tổng cộng 13 cuộc phỏng vấn sâu đã được thực hiện, với số lượng được xác định dựa trên nguyên tắc bão hòa dữ liệu.

3.2. Thu thập và phân tích dữ liệu

Quá trình thu thập dữ liệu được thực hiện thông qua các cuộc phỏng vấn chuyên sâu với từng thông tin viên chủ chốt trong một không gian riêng tư và thuận lợi tại làng đan lát tre Bao La.

Với sự đồng ý của người tham gia, các câu trả lời 90 tiết đã được ghi âm lại một cách chính xác nhằm đảm bảo tính toàn vẹn của dữ liệu. Các kỹ thuật gợi mở được sử dụng 172 hai thác sâu hơn quan điểm, trải nghiệm và hiểu biết của người tham gia về những lợi ích cũng như rào cản đối với sự tham gia của cộng đồng vào du lịch dựa vào cộng đồng (CBT).

Ngoài ra, các ghi chú thực địa được thực hiện để ghi nhận những tín hiệu phi ngôn ngữ và quan sát bối cảnh trong quá trình phỏng vấn. Các cuộc phỏng vấn bán cấu trúc cho phép linh hoạt trong 166 khai thác các chủ đề liên quan, đồng thời vẫn 92 n bảo tính nhất quán giữa các cuộc phỏng vấn. Các câu hỏi mở được sử dụng để 177 iến khích người tham gia diễn giải chi tiết câu trả lời của họ, giúp nhà nghiên cứu hiểu sâu hơn về những lợi ích và rào cản mà cộng đồng gặp phải.

Quá trình phân tích dữ liệu trong nghiên cứu này tuân theo một quy trình hệ thống và lặp lại nhằm xác định các chủ đề và mô hình quan trọng trong bảng chép lời phỏng vấn. Phương pháp phân tích chủ đề (thematic analysis) của Braun 148 arke được sử dụng làm khung hướng dẫn để xác định, phân tích và diễn giải các chủ đề lặp lại trong tập dữ liệu 37. Quá trình phân tích diễn ra theo hướng lặp 38 bao gồm việc mã hóa có hệ thống, phân loại và diễn giải dữ liệu để rút ra những hiểu biết có ý nghĩa.

4. KẾT QUẢ

4.1. Mô tả mẫu nghiên cứu

Không có sự chênh lệch về giới tính giữa những thông tin viên tham gia phỏng vấn. Tuy nhiên, theo danh sách 10, ười trả lời, tỷ lệ nam giới giữ 10 trò quản lý cao hơn so với nữ giới. Về độ tuổi, phần lớn các thành viên cộng đồng tham gia phỏng vấn thuộc nhóm từ 46 tuổi 4 trở lên, chiếm gần 70% tổng số người tham gia. Về trình độ học vấn, hầu hết các th 180 viên hợp tác xã có trình độ học vấn dưới cấp trung học phổ thông và không có 5 ằng cấp học thuật cao hơn. Chỉ khoảng 23,1% số người được phỏng vấn đã đạt trình độ cao đẳng hoặc đại học.

4.2. Kết quả nghiên cứu

Hiện nay, các hoạt động du lịch cộng đồng tại làng đan lát Bao La, thành phố Huế 6 hủ yếu diễn ra trong khuôn khổ hợp tác xã 2 ời người dân địa phương tham gia và hưởng lợi thông qua việc sản xuất các sản phẩm đan lát thủ công từ mây tre. Bên cạnh đó, một số cá nhân trong hợp tác xã còn trực tiếp thực hiện các hoạt động đan lát khi có khách tham quan, đồng thời hướng dẫn du khách trải nghiệm quy trình sản xuất truyền thống này.

Ngoài các hoạt động liên quan đến nghề đan lát, 18 t số hình thức kinh doanh khác cũng xuất hiện, bao 1 ồm dịch vụ lưu trú homestay, cung cấp bữa ăn theo yêu cầu của khách du lịch, cũng nh 140 chức tham quan các địa điểm trong làng. Tuy nhiên, những hoạt động 168 vẫn mang tính tự phát, chủ yếu 133 cá nhân thực hiện với quy mô nhỏ lẻ, chưa hình thành một mô hình du lịch cộng đồng có tổ chức và bền vững.

Báo cáo dưới đây trình bày kết quả các cuộc phỏng vấn 2 uyên sâu nhằm khám phá và hiểu rõ nh 61 ực của người tham gia về lợi ích và rào cản đối với sự tham gia của cộng đồng vào các 2 ạt động du lịch. Một mặt, các cuộc phỏng vấn đề cập đến nh 3 u chủ đề khác nhau, bao gồm những rào cản khi tham gia và 18 ạt động du lịch cộng đồng. Ngoài ra, các cuộc phỏng 1 n còn tìm hiểu mức độ mà người tham gia nhận đ 97; thông tin về các hoạt động du lịch cộng đồng thông qua hợp tác xã hoặc chính quyền địa phương 10.

Bảng dưới đây minh họa khung mã hóa thống kê 7 ược sử dụng trong nghiên cứu về rào cản đối với sự tham gia của cộng đồng vào du lịch dự 4 ạo cộng đồng tại làng nghề 82 lát Bao La. Nhìn chung, kết quả cho thấy những thách thức mà cộng đồng địa phương đang đối mặt, đặc biệt là 156 chế về vốn và kỹ năng phục vụ khách hàng. Sự đầu tư chưa đủ vào cơ sở hạ tầng, thiếu không gian và khó khăn về ch 4 ỗ đã ảnh hưởng đến khả năng của hợp tác xã trong việc cung cấp trải nghiệm 65 ốt cho du khách. Bên cạnh 36, thiếu kỹ năng tổ chức và quản lý, hạn chế về trình độ tiếng Anh, cũng như kỹ năng giao tiếp và hướng dẫn chưa 1 ệu quả cũng là những rào cản lớn, làm giảm sự tham gia của cộng đồng vào các hoạt động du lịch.

Bảng 1. Rào cản 3 của người dân địa phương làng đan lát Bao La khi tham gia hoạt động du lịch dựa vào cộng đồng

Tiêu chí	Mã hoá 68	Tần suất	Phần trăm (%)
Thiếu vốn	Thiếu đầu tư vào cơ sở hạ tầng và trang thiết bị để phục vụ du khách	12	92.3
	Thiếu không gian để du khách trải nghiệm tại hợp tác xã 135	6	46.2
	Khó khăn trong việc cung cấp chỗ ở cho du khách	9	69.2
	Thiếu chỗ ở rộng rãi, tiện nghi cho du khách trong thời gian lưu trú	6	46.2

Thiếu kỹ năng phục vụ khách du lịch	Thiếu kỹ năng tổ chức và quản lý	13	100
	Thiếu kỹ năng ngoại ngữ	12	92.3
	Thiếu kỹ năng giao tiếp và hướng dẫn	13	100
	Mâu thuẫn giữa nền tảng của người dân làng với đối tượng khách mục tiêu	10	76.9
	Không đủ thời gian do sản xuất liên tục	5	38.5
	Không hứng thú với hoạt động du lịch cộng đồng	4	30.8

(Nguồn: Kết quả điều tra năm 2024 của nhóm tác giả)

Trong bối cảnh này, ¹¹ hỏi cơ bản đầu tiên về những rào cản đối với sự tham gia của cộng đồng vào du lịch cộng đồng là ³⁵ Những rào cản lớn nhất mà bạn gặp phải khi tham gia các hoạt động du lịch cộng đồng là gì? Bằng cách khám phá ⁹³ hỏi này, các bước tiếp theo sẽ đặt ra những câu hỏi khác liên quan đến câu trả lời của họ để làm rõ hơn những gì họ đã đề cập.

Thiếu vốn

Để trả lời câu hỏi này, hầu hết người ²⁹ lời đều đề cập đến vấn đề thiếu vốn, đặc biệt là đầu tư vào cơ sở hạ tầng và trang thiết bị. Điều kiện cơ sở hạ tầng vẫn còn được ⁷ thiện, vì hiện tại chưa đủ để phục vụ khách. Cơ sở hạ tầng như khu vực xưởng sản xuất và khu trưng bày cần được cải thiện về nhiều mặt, bao gồm chức năng, trang thiết bị, cơ sở hạ tầng còn chắp vá, và quy mô chưa đạt yêu cầu. Một số đáp viên cho rằng do cơ sở hạ tầng và trang thiết bị của hợp tác xã chưa đáp ứng đủ yêu cầu để đón khách, họ chưa tích cực thúc đẩy du lịch cộng đồng, dẫn đến thiếu tự tin và ngại tham gia vào các hoạt động du lịch cộng đồng. Ví dụ:

"Không gian cần được sắp xếp lại, bãi đỗ xe và khu vực dịch vụ cho khách vẫn chưa có, vì vậy chúng tôi không thể đón khách hoặc hợp tác tích cực với họ. Tuy nhiên, chúng tôi thiếu tiền để cải tạo" (R8).

"Diện tích không đủ để sản xuất hàng hóa, vì vậy chúng tôi không thể tiếp đón khách một cách hợp lý" (R5).

"Mặc dù có nhiều công ty du lịch đến bàn bạc về hợp tác, hợp tác xã vẫn chưa thể ký hợp đồng vì lo sợ không có chỗ ở phù hợp cho khách và không có nhiều thời gian để phục vụ họ" (R1).

⁹¹ Khi thảo luận về điều kiện nhà ở, cơ sở hạ tầng và trang thiết bị tại nhà để tiếp đón khách, 9 trong số 13 người được khảo sát đề cập đến khó khăn trong việc đón khách do thiếu sự thoải mái và đầy đủ tiện nghi. Đây ²⁴ một trong những rào cản khiến họ do dự khi tham gia vào du lịch cộng đồng thông qua dịch vụ lưu trú và ăn uống tại nhà dân. Họ hy vọng ¹²⁶ các dự án cải tạo nhà ở để có thể tham gia phục vụ khách du lịch.

"...nhà tôi có ba phòng ngủ, vừa đủ cho cả gia đình tôi ở, làm sao có thêm phòng cho khách được?" (R7)

"Nhà chỉ có sân rộng, nhưng ông bà, cha mẹ, con cái sống chung nên không đủ phòng, chưa nói đến chuyện đón khách." (R12)

"Nhà không có nhiều trang thiết bị, nên không phù hợp để mời khách ở lại. Họ sẽ không cảm thấy thoải mái..." (R4)

Những suy nghĩ này ¹²² thấy một rào cản đáng kể đang cản trở sự tham gia vào ²⁹ lịch cộng đồng: thiếu vốn đầu tư, đặc biệt là về cơ sở hạ tầng và trang thiết bị. Sự thiếu hụt này gây ra thách thức lớn, khiến việc phục vụ khách du lịch trở nên khó khăn. Tuy nhiên, nhiều người dân vẫn chưa có nhận thức đúng đắn về du lịch cộng đồng. Họ cho rằng cần có phòng rộng rãi, mới mẻ, đầy đủ tiện nghi để phục vụ khách; họ nghĩ rằng phải biết nấu những món ngon, lạ và hấp dẫn mà không hiểu rằng du lịch cộng đồng là về mong muốn trải nghiệm cuộc sống địa phương của du khách. Chỉ cần đáp ứng nhu cầu cơ bản nhất, du khách sẽ sẵn sàng hòa mình vào cuộc sống bản địa.

Do đó, về đầu tư vốn, trường hợp tác xã có thể xem xét nguồn tài trợ từ các tổ chức chính phủ phi chính phủ để cải thiện cơ sở hạ tầng và trang thiết bị.

Thiếu kỹ năng phục vụ khách du lịch

Có thể nói, năng lực của người dân địa phương cũng là một rào cản lớn đối với họ hiện nay. Họ đề cập đến những hạn chế về kỹ năng tổ chức và quản lý trong các hoạt động du lịch, trình độ tiếng Anh, kỹ năng giao tiếp và hướng dẫn, cũng như việc thiếu thời gian do sản xuất hàng hóa liên tục.

Thứ nhất, về kỹ năng tổ chức và quản lý hoạt động du lịch, họ cho rằng rất ít người trong hợp tác xã có thể tổ chức và quản lý các hoạt động du lịch như phục vụ khách, ẩm thực, lưu trú và ăn uống. Họ chỉ có thể trình diễn nghề thủ công truyền thống để khách quan sát và trả lời các câu hỏi liên quan đến nghề này, nhưng không thể sắp xếp hợp lý các tour tham quan làng nghề.

"Các thành viên trong hợp tác xã thiếu khả năng phục vụ khách một cách độc lập..." (R5)

"...16 người dân chưa được đào tạo bài bản, không thể tổ chức và quản lý hoạt động du lịch để đón tiếp khách." (R9) 175

Như đã đề cập, người dân 149 ng làng chủ yếu là người cao tuổi, đa phần là phụ nữ, có trình độ học vấn thấp và hiếm khi rời khỏi môi trường nông thôn. Trong khi đó, khách đi 67 ch mục tiêu của làng nghề thủ công thường là những người có trình độ học vấn cao, có kiến thức và sống trong 20 i trường hiện đại, phát triển, chẳng hạn như nhà nghiên cứu, sinh viên hoặc du khách quốc tế yêu thích trải nghiệm cuộc sống 174 g thôn. Hiểu được những khó khăn này, tất cả người được khảo sát đều đồng ý rằng 24 người dân nơi đây có nhiều hạn chế cản trở họ tham gia tích cực vào du lịch cộng đồng.

Thứ hai, về kỹ năng giao tiếp và trình độ ngoại ngữ, mọi người 71 ều đồng ý rằng điểm yếu lớn nhất của họ là khả năng giao tiếp với khách, đặc biệt là khách nước ngoài, khiến họ thiếu tự tin khi đón tiếp du khách. Họ chia sẻ rằng:

"...với khách trong nước, tôi có thể nói về nghề thủ công truyền thống ở đây, nhưng với khách 33 ực ngoài, tôi không biết nói như thế nào; tôi chỉ có thể giao tiếp bằng ánh mắt, nụ cười và ngôn ngữ cơ thể." (R3) 86

"Công việc phiên dịch thường do hướng dẫn viên du lịch của công ty lữ hành đảm nhận. Hướng dẫn viên sẽ giúp chúng tôi dịch sang tiếng Anh cho khách nước ngoài. Nhưng việc đó cũng mất rất nhiều thời gian." (R2)

Tuy nhiên, họ cảm thấy không tin tưởng vì những câu chuyện được dịch có thể không truyền tải đầy đủ ý nghĩa về văn hóa 121 i làng nghề của họ. Do đó, hầu hết họ cũng đề cập đến nhu cầu có 15 i một người làm việc trong hợp tác xã, người hiểu về du lịch và có 12 i nổi tiếng Anh để luôn hỗ trợ họ trong việc tham gia các hoạt động du lịch cộng đồng.

Thứ ba, về vấn đề thời gian, hiện tại có quá nhiều đơn hàng sản xuất trong khi lực lượng lao động đang thiếu hụt nghiêm trọng, và mức lương lao động chưa đủ hấp dẫn để thu hút thêm lao 120 i trong làng, đặc biệt là nam giới và th 141 i niên. Các thành viên của hợp tác xã vẫn phải làm 4 i việc liên tục ngày đêm để hoàn thành các hợp đồng kinh doanh của hợp tác xã.

Do đó, trong số 13 người tham gia phỏng vấn, có 5 người cho biết họ sẽ không tham gia vào các hoạt động du lịch cộng đồng vì không có thời

gian, và 4 đáp viên cho rằng họ thậm chí không quan tâm đến các hoạt động này. 152

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu này có một số đóng góp nhất định về mặt lý thuyết lẫn thực tiễn trong nghiên cứu về du lịch cộng đồng, đặc biệt trong bối cảnh các làng nghề truyền thống. Về mặt lý thuyết, nghiên cứu cung cấp thêm bằng chứng định tính để củng cố và mở rộng các khung lý thuyết hiện có về du lịch cộng đồng và sự tham gia của người dân địa phương. Trường hợp làng đan lát Bao La – thành phố Huế minh chứng rằng những rào cản đối với 32 i tham gia của cộng đồng vào hoạt động du lịch có thể được phân tích hiệu quả thông qua các khung lý thuyết này.

Về mặt thực tiễn, nghiên cứu 1 i mang lại những hiểu biết sâu sắc về quá trình tham gia của người dân trong hoạt động du lịch cộng đồng tại một làng nghề truyền thống. Những phát hiện từ nghiên cứu có thể giúp chính quyền địa phương, các 4 i chức hỗ trợ và cộng đồng dân cư định hình các 2 i chiến lược phù hợp nhằm giảm thiểu rào cản và thúc đẩy sự tham gia hiệu quả hơn. Đồng thời, nghiên cứu cũng 6 i cung cấp những gợi ý chính sách nhằm tối ưu hóa lợi ích kinh tế - xã hội từ du lịch cộng đồng, đảm bảo 20 i phát triển bền vững cho làng đan lát Bao La nói riêng và các làng nghề truyền thống khác nói chung.

Làng nghề đan lát Bao La là một làng nghề truyền thống đã hình thành và phát triển hơn 65 000 năm. Các hoạt động sản xuất của làng đã tạo ra nhiều công việc 59 i định cho những người sản xuất tre và mây địa phương. Du lịch cộng đồng tại làng nghề này gắn liền chặt chẽ với các hoạt động sản xuất hàng ngày của người dân. Điều 5 i thứ vị là, mặc dù du lịch phát triển, chỉ một số ít người dân tham gia vào các hoạt động du lịch tại làng nghề đan lát tre Bao La.

Mặc dù việc tham gia vào hoạt động du lịch cộng đồng tại làng đan lát Bao La cũng đem lại một số lợi ích đáng kể cho người dân địa phương, thể hiện rõ nhất ở việc tăng thêm thu nhập thông qua các hoạt động như tham gia vào hợp tác xã, bán hàng thủ công mỹ nghệ của làng, hướng dẫn du khách tham quan hay tổ chức một số 155 i vụ cho du khách như ăn uống hay lưu trú. Tuy nhiên, nhiều người dân vẫn cảm thấy chưa quen với du lịch cũng như gặp khó khăn về vốn và kỹ năng dịch vụ khách hàng. Những rào cản này tương đồng với hai nhóm hạn chế trong du lịch cộng đồng mà Tosun 4 i đã xác định, đó là: Hạn chế về cấu trúc (thiếu vốn đầu tư); Hạn chế về văn hóa (thiếu kiến thức về du lịch, kỹ năng giao tiếp và trình độ tiếng Anh).

1 Việc thúc đẩy sự tham gia của người dân địa phương vào du lịch cộng đồng có thể góp phần 182 trọng vào sự phát triển bền vững của du lịch. Để đạt được điều này, cần tập trung vào việc tháo gỡ các rào cản 75 hiện có, đồng thời tăng cường những lợi ích kinh tế, xã hội và văn hóa mà cộng đồng địa phương có thể nhận được từ hoạt động du lịch 4. Để giải quyết những vướng mắc này, 95m tác giả có những đề xuất và khuyến nghị tập trung vào các nhóm giải pháp sau:

(1) Các khuyến nghị về việc đào tạo 139 hướng dẫn cho người dân địa phương: Các chương trình 73 0 dục và đào tạo do chính phủ triển khai cần tập trung vào các 6 hía cạnh thực tiễn của việc phát triển và quản lý 64 ịch, nhằm trang bị cho người dân địa phương những kiến thức và kỹ năng cần thiết để tham 70 hiệu quả vào quá trình này. Đồng thời, cần nâng cao nhận thức của người dân 14 quyền lợi của họ trong việc bày tỏ ý kiến và tham gia vào các qu 125 ỉnh liên quan đến môi trường sống 4 bởi họ là đối tượng chịu tác đ 106 trực tiếp từ sự phát triển du lịch. Khi kết hợp với sự hỗ trợ tài chính từ Nhà 25 ớc, các chương trình đào tạo thực hành có thể đóng vai trò quan trọng trong việc thay đ 119n thức và thái độ của cộng đồng địa phư 6 9g, khuyến khích họ tham gia tích cực hơn vào quy hoạch và phát triển du lịch bền vững.

(2) Các khuyến nghị về vấn đề trao quyền: 42 Tại làng dân l 17 ơ La, Thừa Thiên Huế, việc trao quyền cho cộng đồng địa phương đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển du lịch bền vững. Người dân không chỉ cần có tiếng nói 99 9g việc lựa chọn các loại hình cơ sở hạ tầng và chương trình du lịch phù hợp v 154 ặc trưng văn hóa làng nghề, mà còn c 13 ược tham gia vào quá trình xác định cách thức phân bổ chi phí và lợi ích du lịch giữa 26 bên liên quan. Điều này đảm bảo rằng du lịch không chỉ mang lại lợi ích kinh tế mà còn góp phần bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của địa phương 2. Khi cư dân làng Bao La được trao quyền lập kế hoạch và phát triển các sáng kiến 8 9u lịch vì lợi ích cộng đồng, họ sẽ có động lực tham gia t 2 ực hơn vào các hoạt động du lịch, từ đó giúp nâng cao hiệu quả 58 ỉnh bền vững của mô hình du lịch cộng đồng tại địa phương. Bên cạnh đó, sự p 162 iền du lịch cộng đồng có thể mang lại nh 80 lợi ích kinh tế và văn hóa, nhưng cũng đặt ra những tác động trực tiếp đến đời sống của người dân địa phương 14 0 đó, người dân cần nhận thức rõ quyền được tham gia vào các quyết định liên quan đến môi trường sống và hoạt động du lịch tại địa phương. Khi có sự hiểu biết đầy đủ về quyền lợi của mình, họ sẽ có động lực và sự tự tin để bày tỏ ý kiến một cách hiệu quả trong quá trình quy hoạch và phát triển

150 du lịch. Điều này kh 87 chỉ giúp đảm bảo rằng các sáng kiến du lịch phản ánh đún 88 9u cầu và mong muốn của cộng đồng mà còn tạo đ 53 kiện để người dân đóng góp ý kiến trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của làng nghề. Nh 46 thức rõ quyền tham gia cũng giúp họ tránh bị gạt ra khỏi quá trình ra quyết 5 nh, đảm bảo rằng du lịch phát triển theo hướng bền vững và mang lại lợi ích công bằng cho tất cả các bên liên quan.

(3) Các khuyến nghị về h 103 tài chính từ Nhà nước: Khuyến nghị thứ ba nhấn mạnh tầm quan trọng 40 ủa hỗ trợ tài chính từ Nhà nước trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho sự tham gia của cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch. Sự hỗ trợ này có thể đ 55 thực hiện thông qua việc cung cấp kinh phí cho các chương trình đào tạo, 14 ất triển cơ sở hạ tầng và nâng cao năng lực của người d 39 ịa phương. Đặc biệt, tại làng dân l 39 ị Bao La, Thừa Thiên Huế, nơi du lịch cộng đồng đang 167 phát triển, việc đầu tư vào đ 5 ạo thực tiễn sẽ giúp người dân hiểu rõ hơn về quy trình 123 1 lý và vận hành hoạt động du lịch. Khi có sự hỗ trợ tài chính ổn định, các chươ 111 nh đào tạo không chỉ nâng cao kỹ năng của người dân mà còn giúp thay đổi nhận thức và t 5 ị độ của họ theo hướng tích cực hơn trong việc tham gia vào quá trình quy hoạch và phát triển d 44 ịch. Điều này đảm bảo rằng du lịch cộng đồng không chỉ mang lại lợi ích k 17 ế mà còn tạo cơ hội để người dân địa phương đóng vai trò trung tâm trong việc phát triển bền vững của địa phương mình.

Rào cản đối với sự tham gia của cộng đồng trong du lịch dựa vào cộng đồng: trường hợp làng đan lát Bao La – Thành phố Huế

ORIGINALITY REPORT

50%

SIMILARITY INDEX

PRIMARY SOURCES

1	www.researchgate.net Internet	413 words — 6%
2	tailieu.vn Internet	184 words — 3%
3	www.slideshare.net Internet	167 words — 2%
4	www.ctu.edu.vn Internet	146 words — 2%
5	tmu.edu.vn Internet	99 words — 1%
6	lib.hpu.edu.vn Internet	91 words — 1%
7	Ton Duc Thang University Publications	67 words — 1%
8	csdlkhoahoc.hueuni.edu.vn Internet	66 words — 1%
9	repository.vnu.edu.vn Internet	64 words — 1%
10	ueh.edu.vn	

64 words — 1 %

11 text.123docz.net

Internet

45 words — 1 %

12 www.zbook.vn

Internet

44 words — 1 %

13 cmsdata.iucn.org

Internet

38 words — 1 %

14 vietnamforestry.org.vn

Internet

38 words — 1 %

15 Ho Chi Minh National Academy of Politics

Publications

37 words — 1 %

16 luanvan.co

Internet

36 words — < 1 %

17 itdr.org.vn

Internet

33 words — < 1 %

18 Hanoi National University of Education

Publications

31 words — < 1 %

19 hvtc.edu.vn

Internet

31 words — < 1 %

20 123docz.net

Internet

29 words — < 1 %

21 danangtimes.vn

Internet

28 words — < 1 %

22 www.tailieudaihoc.com

Internet

28 words — < 1 %

23	luutruvn.com Internet	27 words — < 1 %
24	tuyenquang.dfa.vn Internet	27 words — < 1 %
25	travelmag.vn Internet	26 words — < 1 %
26	al-masrah.com Internet	24 words — < 1 %
27	Phạm T.T., Hoàng T.L., Đào Thị L.C., Ngô H.C., Nông Nguyễn K.N., Hoàng M.H., Nguyễn Q.T., William P.. "Chiến lược và chính sách phát triển lâm nghiệp thế giới", Center for International Forestry Research (CIFOR) and World Agroforestry Centre (ICRAF), 2020 Crossref	22 words — < 1 %
28	Boi canh REDD+ Viet Nam Nguyên nhân doi tuong và the che, 2012. Crossref	21 words — < 1 %
29	tunecbt.com Internet	21 words — < 1 %
30	fscapac.files.wordpress.com Internet	20 words — < 1 %
31	czm-soctrang.org.vn Internet	19 words — < 1 %
32	e.gov.vn Internet	19 words — < 1 %
33	m.vietnamnet.vn Internet	19 words — < 1 %
34	www.vncities.com Internet	

19 words — < 1 %

35 yenbaiact.edu.vn
Internet

19 words — < 1 %

36 cfl.edu.vn
Internet

18 words — < 1 %

37 nhandan.org.vn
Internet

18 words — < 1 %

38 nordiccoder.com
Internet

18 words — < 1 %

39 snnptnt.thuathienhue.gov.vn
Internet

18 words — < 1 %

40 tailieudulich.wordpress.com
Internet

18 words — < 1 %

41 www.cifor.org
Internet

18 words — < 1 %

42 danang.vietccr.vn
Internet

17 words — < 1 %

43 doc.edu.vn
Internet

17 words — < 1 %

44 izumi.edu.vn
Internet

17 words — < 1 %

45 lmhoptacxatthue.com.vn
Internet

17 words — < 1 %

46 static.unodc.org
Internet

17 words — < 1 %

47	www.hotelchomeo.com Internet	17 words — < 1 %
48	dulichcaobang.vn Internet	16 words — < 1 %
49	moitruongxanhhcm.org.vn Internet	16 words — < 1 %
50	tapchicongthuong.vn Internet	16 words — < 1 %
51	ttdn.vn Internet	16 words — < 1 %
52	ueb.edu.vn Internet	16 words — < 1 %
53	spnttw.edu.vn Internet	15 words — < 1 %
54	staff.hnue.edu.vn Internet	15 words — < 1 %
55	Pham T.T., Nguyen V.D.. "Chi trả dịch vụ môi trường cho dịch vụ các-bon tại Việt Nam: Góc nhìn từ kinh nghiệm quốc tế và những vấn đề cần xem xét", Center for International Forestry Research (CIFOR) and World Agroforestry Centre (ICRAF), 2019 Crossref	14 words — < 1 %
56	baothanhhoa.vn Internet	14 words — < 1 %
57	petrotimesgate.petrotimes.vn Internet	14 words — < 1 %
58	www.baotn.vn Internet	14 words — < 1 %

59	Hanoi Pedagogical University 2 Publications	13 words — < 1 %
60	Pham T.T., Đào Thi L.C., Hoàng T.L., Bui Thi M.N., Pham H.L., Nguyen V.D.. "Cơ hội và thách thức trong huy động tài chính thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006–2020", Center for International Forestry Research (CIFOR) and World Agroforestry Centre (ICRAF), 2019 Crossref	13 words — < 1 %
61	dostkhanhhoa.gov.vn Internet	13 words — < 1 %
62	rtccd.org.vn Internet	13 words — < 1 %
63	tr-ex.me Internet	13 words — < 1 %
64	trangtuyensinh.com.vn Internet	13 words — < 1 %
65	VNUA Publications	12 words — < 1 %
66	baogialai.com.vn Internet	12 words — < 1 %
67	cunhanvank09.blogspot.com Internet	12 words — < 1 %
68	dantocmiennui.vn Internet	12 words — < 1 %
69	lyluanchinhtrivatruyenthong.vn Internet	12 words — < 1 %

70	tapchimattran.vn Internet	12 words — < 1%
71	tapchimoitruong.vn Internet	12 words — < 1%
72	thanhdiaviethamhoc.com Internet	12 words — < 1%
73	vi.esdifferent.com Internet	12 words — < 1%
74	www.ace.com.vn Internet	12 words — < 1%
75	www.dulichninhbinh.com.vn Internet	12 words — < 1%
76	www.nea.gov.vn Internet	12 words — < 1%
77	www.vietnamworks.com Internet	12 words — < 1%
78	zephyrnet.com Internet	12 words — < 1%
79	alotintuc.com Internet	11 words — < 1%
80	iluanvan.com Internet	11 words — < 1%
81	khudothiecopark.vn Internet	11 words — < 1%
82	linvn.org Internet	11 words — < 1%

83	neokid.vn Internet	11 words — < 1%
84	stce.nuce.edu.vn Internet	11 words — < 1%
85	www.mrcmekong.org Internet	11 words — < 1%
86	123doc.org Internet	10 words — < 1%
87	aldaqiqaccounting.diary.ru Internet	10 words — < 1%
88	buiduchien.wordpress.com Internet	10 words — < 1%
89	depvaphongcach.com Internet	10 words — < 1%
90	developer.baokim.vn Internet	10 words — < 1%
91	dieuhoasaoviet.vn Internet	10 words — < 1%
92	docshare.tips Internet	10 words — < 1%
93	hoidap.tayninh.gov.vn Internet	10 words — < 1%
94	huht.hueuni.edu.vn Internet	10 words — < 1%
95	luatvietnam.vn Internet	10 words — < 1%

96	pbgdpl.moj.gov.vn Internet	10 words — < 1 %
97	reatimes.vn Internet	10 words — < 1 %
98	sotttt.tayninh.gov.vn Internet	10 words — < 1 %
99	tapchicongsan.org.vn Internet	10 words — < 1 %
100	vamas.com.vn Internet	10 words — < 1 %
101	vi.agadir2013.org Internet	10 words — < 1 %
102	vi.wikipedia.org Internet	10 words — < 1 %
103	vietbao.ru Internet	10 words — < 1 %
104	vista.gov.vn Internet	10 words — < 1 %
105	vn.applyjob.org Internet	10 words — < 1 %
106	www.hspi.org.vn Internet	10 words — < 1 %
107	www.moc.gov.vn Internet	10 words — < 1 %
108	www.sccgov.org Internet	10 words — < 1 %

109	www.tapchidulich.com.vn Internet	10 words — < 1 %
110	www.thuvientailieu.vn Internet	10 words — < 1 %
111	www.thuysanvietnam.com.vn Internet	10 words — < 1 %
112	anchor.fm Internet	9 words — < 1 %
113	btXH.gov.vn Internet	9 words — < 1 %
114	croplifevietnam.org Internet	9 words — < 1 %
115	daotao-vhttdl.vn Internet	9 words — < 1 %
116	dichvu24h.net Internet	9 words — < 1 %
117	dspace.ewha.ac.kr Internet	9 words — < 1 %
118	homenest.com.vn Internet	9 words — < 1 %
119	ipos.vn Internet	9 words — < 1 %
120	itddep.takming.edu.tw Internet	9 words — < 1 %
121	nckhhtqt.hou.edu.vn Internet	9 words — < 1 %

122	quangninh.gov.vn Internet	9 words — < 1 %
123	southeastasia.hss.de Internet	9 words — < 1 %
124	st.aus4reform.org.vn Internet	9 words — < 1 %
125	thoibaokinhdanh.vn Internet	9 words — < 1 %
126	thukyluat.vn Internet	9 words — < 1 %
127	thuviengioi.csaga.org.vn Internet	9 words — < 1 %
128	timviec365.com Internet	9 words — < 1 %
129	toc.123docz.net Internet	9 words — < 1 %
130	vdocuments.mx Internet	9 words — < 1 %
131	vietfuture.edu.vn Internet	9 words — < 1 %
132	vietnam.vnagency.com.vn Internet	9 words — < 1 %
133	vn.nhandan.org.vn Internet	9 words — < 1 %
134	www.bosnei.vn Internet	9 words — < 1 %

135	www.canbotredanang.vn Internet	9 words — < 1 %
136	www.hanta.org.vn Internet	9 words — < 1 %
137	www.hopeco.edu.vn Internet	9 words — < 1 %
138	www.idea.int Internet	9 words — < 1 %
139	www.vacc.org.vn Internet	9 words — < 1 %
140	www.vdf.org.vn Internet	9 words — < 1 %
141	www.vidifi.vn Internet	9 words — < 1 %
142	Dinh Tuan HAI, Nguyen Xuan QUYET, Duc Anh NGUYEN. "COMMUNITY PARTICIPATION FOR DEVELOPING RURAL TRANSPORT INFRASTRUCTURE IN DONG NAI PROVINCE, VIETNAM", Transport Problems, 2021 Crossref	8 words — < 1 %
143	camnangphapluat.com Internet	8 words — < 1 %
144	congnghepxanh.wordpress.com Internet	8 words — < 1 %
145	core.ac.uk Internet	8 words — < 1 %
146	dch.gov.vn Internet	8 words — < 1 %

147	docplayer.fr Internet	8 words — < 1 %
148	fit.ictu.edu.vn Internet	8 words — < 1 %
149	genic.molisa.gov.vn Internet	8 words — < 1 %
150	gu1ckspooler.com Internet	8 words — < 1 %
151	ictnews.vietnamnet.vn Internet	8 words — < 1 %
152	inbasket.info Internet	8 words — < 1 %
153	lytuong.net Internet	8 words — < 1 %
154	nongthonmoi.gov.vn Internet	8 words — < 1 %
155	portal.pctu.edu.vn Internet	8 words — < 1 %
156	repository.ntt.edu.vn Internet	8 words — < 1 %
157	researchrepository.murdoch.edu.au Internet	8 words — < 1 %
158	tai-lieu.com Internet	8 words — < 1 %
159	tapchigiaothong.qltns.mediacd.vn Internet	8 words — < 1 %

160	teen365.net Internet	8 words — < 1 %
161	text.123doc.org Internet	8 words — < 1 %
162	tf08.net Internet	8 words — < 1 %
163	toquoc.vn Internet	8 words — < 1 %
164	ut.edu.vn Internet	8 words — < 1 %
165	vietnamnet.vn Internet	8 words — < 1 %
166	vietnamorganic.vn Internet	8 words — < 1 %
167	votrongviet.net Internet	8 words — < 1 %
168	www.cema.gov.vn Internet	8 words — < 1 %
169	www.chinhphu.vn Internet	8 words — < 1 %
170	www.hangxachtay.org Internet	8 words — < 1 %
171	www.hotelvietnam.com.vn Internet	8 words — < 1 %
172	www.isaaa.org Internet	8 words — < 1 %

173	www.phdstudies.vn Internet	8 words — < 1 %
174	www.somenh.com Internet	8 words — < 1 %
175	www.timhieuphapluat.vn Internet	8 words — < 1 %
176	www.vietnamvanhien.com Internet	8 words — < 1 %
177	www.vimmentor.com Internet	8 words — < 1 %
178	www.vrn.org.vn Internet	8 words — < 1 %
179	www.webdulich.com Internet	8 words — < 1 %
180	xanamphucthang.hatinh.gov.vn Internet	8 words — < 1 %
181	Bùi Thị Xuân Hương, Phạm Hà Châu Quế, Tuấn Trần Thế. "Bài học kinh nghiệm về kinh tế tuần hoàn của một số quốc gia châu Á và những hàm ý cho Việt Nam", Tạp chí điện tử Khoa học và Công nghệ Giao thông, 2025 Crossref	6 words — < 1 %
182	Pham T.T., Hoang T.L., Nguyen D.T., Dao T.L.C., Ngo H.C., Pham V.H.. "Bối cảnh cho REDD+ tại Việt Nam: Nguyên nhân, đối tượng và thể chế [Tái bản lần 2]", Center for International Forestry Research (CIFOR) and World Agroforestry Centre (ICRAF), 2020 Crossref	6 words — < 1 %
183	Pham T.T., Vu T.P., Pham D.C., Dao L.H.T., Nguyen V.T., Hoang N.V.H., Hoang T.L., Dao T.L.C., Nguyen	6 words — < 1 %

D.T.. "Cơ hội và thách thức đối với quản lý rừng ngập mặn tại Việt Nam: Bài học từ các tỉnh Thanh Hoá, Thái Bình và Quảng Ninh", Center for International Forestry Research (CIFOR) and World Agroforestry Centre (ICRAF), 2019

Crossref

EXCLUDE QUOTES	OFF	EXCLUDE SOURCES	OFF
EXCLUDE BIBLIOGRAPHY	OFF	EXCLUDE MATCHES	OFF